TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 35

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số chẵn từ 82 686 đến 82 710?

A. 14 **B.** 13 **C.** 12 **D.** 24

Câu 2. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 3 trong số 519 378 là:

A. 300 **B.** 30 **C.** 3 **D.** 3000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 333 044 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 0 **B.** 330 000 **C.** 400 000 **D.** 300 000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 2 với a = 4873, b = 901 là:

A. 6675 **B.** 6685 **C.** 11 548 **D.** 5776

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 11 hàng ghế, mỗi hàng 27 ghế, người ta kê thêm 29 ghế nhựa. Có 315 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 11 **B.** 21 **C.** 326 **D.** 40

Câu 6. *(0,5 điểm)* Biểu thức nào có giá trị bằng (789 + 405) + 810?

A. (789 − 405) + 810 **B.** (789 + 405) × 810

C. 789 + 405 − 810 **D.** 789 + (405 + 810)

Câu 7. *(0,5 điểm)* 7 tạ 2 yến = …… kg

A. 720 **B.** 72 **C.** 7020 **D.** 702

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành có đặc điểm nào sau đây?

A. Có hai cặp cạnh vuông góc

B. Có bốn góc vuông

C. Có bốn cạnh bằng nhau

D. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 18, 21, 24, 27, ……, 147. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 38 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 4 với a = 4824, b = 395: ……

b) m − n + p với m = 30 381, n = 6006, p = 3381: ……

c) (x + 1756) × 2 với x = 300: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 8606 + 456 + 544 = …….

b) 1756 + 8726 − 756 = …….

c) 442 + 7796 + 58 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 500 kg ……. 5300 kg

b) 5 m^2 50 dm^2 ……. 550 dm^2

c) 4 thế kỉ ……. 400 năm

d) 116 385 ……. 116 485

Câu 13. *(1 điểm)* Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 23 cm, chiều rộng 9 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: …….

b) Số cặp cạnh vuông góc: …….

c) Diện tích hình chữ nhật: ……. cm^2

Câu 14. *(1 điểm)* Hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Khôi là 40 tuổi, mẹ hơn Khôi 24 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi, Khôi bao nhiêu tuổi?

a) Tuổi mẹ: ……. tuổi

b) Tuổi Khôi: ……. tuổi

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 35

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	D	A	A	D	A	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (147 − 18) : 3 + 1 = 44 (số)

b) 18 + (38 − 1) × 3 = 129

Câu 10.

a) 4824 + 395 × 4 = 4824 + 1580 = 6404

b) 30 381 − 6006 + 3381 = 24 375 + 3381 = 27 756

c) (300 + 1756) × 2 = 2056 × 2 = 4112

Câu 11.

a) 8606 + (456 + 544) = 8606 + 1 000 = 9606

b) (1756 − 756) + 8726 = 1000 + 8726 = 9726

c) (442 + 58) + 7796 = 500 + 7796 = 8296

Câu 12.

a) 3500 < 5300

b) 550 = 550

c) 400 = 400

d) 116 385 < 116 485

Câu 13.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 23 × 9 = 207 (cm²)

Câu 14.

Tuổi Khôi: (40 − 24) : 2 = 8 (tuổi)

Tuổi mẹ: 8 + 24 = 32 (tuổi)